

Bản án số: 06/2024/HS-ST  
Ngày 01-4-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁC ÁI, TỈNH NINH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Kim Đồng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Thọ Toàn.

Bà Chamaléa Thị Khuyên.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2024/HSST ngày 06 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

**NGUYỄN NGỌC DIỄM T1**, sinh năm 1978 tại tỉnh Ninh Thuận.

Nơi cư trú: **Khu phố A, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận**; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Nguyễn Văn B** (đã chết) và bà **Lê Thị M**; Có chồng **Nguyễn Quốc T** và có 02 (hai) người con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền sự: không.

Tiền án: Có 01 tiền án. Bản án số hình sự sơ thẩm số 165/2022/HS-ST ngày 16/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - **T, tỉnh Ninh Thuận**, xử phạt **Nguyễn Ngọc Diễm T1** 15 (mười lăm) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Nhân thân:

- Ngày 20/9/1999, bị Tòa án nhân dân thị xã Phan Rang - **T, tỉnh Ninh Thuận** xử phạt 02 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Ngày 27/12/2005, bị **Công an phường Đ, thị xã P - T** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau.

- Ngày 25/12/2006, bị Tòa án nhân dân thị xã Phan Rang - **T, tỉnh Ninh Thuận** xử phạt 08 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Ngày 16/7/2007, bị **Công an phường B, thành phố P - T** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau.

- Ngày 31/7/2007, bị Công an phường B, thành phố P - T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xúc phạm danh dự nhân phẩm của người khác.

- Ngày 21/6/2011, bị Công an phường Đ, thành phố P - T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Ngày 23/7/2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Ngày 10/7/2017, bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xử phạt 12 tháng tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo bị bắt, tạm giam vào ngày 17/01/2024, đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N, tỉnh Ninh Thuận. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại: Bà Tain Thị B1, sinh năm 1955. (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Chị Nguyễn Thị Băng T2, sinh năm 1982. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt )

Nơi cư trú: Khu phố E, phường T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

2/ Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1954. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố B, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

3/ Chị Cao Thị Ái N, sinh năm 1982. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố A, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

- Người làm chứng:

1/ Chị Tain Thị Đ, sinh năm 1988. (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

2/ Anh Mai Văn L, sinh năm 1979. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố A, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 21/11/2023, vì muốn có tiền tiêu xài nên Nguyễn Ngọc D T1 rủ Cao Thị Ái N cùng nhau đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì N đồng ý. Đến trưa cùng ngày, N sử dụng chiếc xe mô tô biển số 85R7-1044 chở T1 từ phường Đ, thành phố P - T đi đến đoạn đường thuộc xã P, huyện B. Tại đây khoảng 13 giờ, T1 và N gặp bà Tain Thị B1. Qua nói chuyện, bà B1 tin T1 và N đang đi phát quà từ thiện nên mời về nhà ở thôn Đ, xã P. Tại nhà bà B1, T1 có ý định lừa bà B1 lấy đôi bông tai bằng kim loại màu vàng đang đeo trên tai, nhưng có chị Tain Thị Đ (con bà B1) ở nhà, T1 không thực hiện được ý đồ. Lúc này, T1 nói với bà B1 đi ra ngoài để Thu mua đồ ăn, thức uống cho gia đình bà B1. Thấy N dùng xe mô tô 85R7-1044 chở T1 ra khỏi nhà, bà B1 cũng đi theo đến đoạn đường cách nhà bà

B1 khoảng 160m thuộc thôn T, xã P, T1 nói với bà B1 đứng lại và nói N đi về nhà bà B1 lấy giúp T1 cái nón bảo hiểm. Trong lúc đợi N đi lấy nón bảo hiểm, T1 nói với bà B1 “tháo đôi bông tai bằng vàng ra, để khi có người đến từ thiện người ta thấy nghèo người ta mới cho”. Tin lời T1, bà B1 đã tháo đôi bông tai màu vàng đang đeo trên hai tai đưa cho T1 và bà B1 lấy tờ tiền 5.000 đồng trong túi đưa cho T1 để gói đôi bông tai lại. Lúc này, T1 giấu đôi bông tai trong lòng bàn tay nhưng vẫn làm động tác đang gói đôi bông tai vào tờ tiền 5.000 đồng để bà B1 tin tưởng là vàng đang ở trong tờ tiền, rồi cất vào trong túi áo của bà B1. Cùng lúc này N đến, T1 lên xe mô tô 85R7-1044 để N chở về. Trên đường về, T1 lấy đôi bông tai bằng vàng cho N xem và nói đã lừa được bà B1. Nguyên chủ T1 về lại thành phố P - T, đến tiệm V Cho II bán đôi bông tai màu vàng trên được 1.090.000 đồng và chia nhau tiêu xài hết.

Kết luận giám định số 1553/KL-KTHS ngày 13/12/2023 của Phòng K Công an tỉnh L và Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 15/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B đã kết luận: 01 (Một) chiếc bông tai bằng kim loại màu vàng, tổng khối lượng 0,6341g, có chứa thành phần kim loại Vàng (A), hàm lượng trung bình 57,58%, trị giá 600.281 đồng; 01 (Một) chiếc bông tai bằng kim loại màu vàng, tổng khối lượng 0,6562g, có chứa thành phần kim loại Vàng (A), hàm lượng trung bình 57,41%, trị giá 621.202 đồng. Tổng trị giá 02 (hai) chiếc bông tai là 1.221.483 đồng.

Cáo trạng số 05/CT-VKSBA ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Ái truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Diễm T1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Ngọc Diễm T1 đã thành khẩn khai báo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại phiên tòa, không ai có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận giám định của Phòng K Công an tỉnh L và Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Ái giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Diễm T1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 174, các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc Diễm T1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc Diễm T1 từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng tù.

\* Về trách nhiệm dân sự: Bà Tain Thị B1 đã nhận lại đôi bông tai bị mất, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Số tiền 1.090.000 đồng của cá nhân chị Nguyễn Thị Băng T2 dùng để mua đôi bông tai do bị cáo T1 bán tại tiệm V, nay chị T2 yêu cầu bị cáo T1 phải trả lại số tiền 1.090.000 đồng. Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các điều 166, 579, 580 của Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo T1 phải trả lại cho chị T2 số tiền 1.090.000 đồng.

\* **Về xử lý vật chứng:** Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra **Công an huyện B** đã tạm giữ:

+ 02 (Hai) chiếc bông tai bằng kim loại màu vàng, đã qua sử dụng là tài sản của bà **Tain Thị B1**. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà **B1**.

+ 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển số 85R7-1044 được **T1** và **N** dùng làm phương tiện phạm tội. Chiếc xe này của bà **Nguyễn Thị M1** đứng tên chủ xe, năm 2005 bà **M1** tặng chiếc xe cho cháu là **Lê Văn T3**. Năm 2022, anh **T3** cho anh **Mai Văn L** mượn chiếc xe để sử dụng. Chị **N** (vợ của anh **L**) sử dụng chiếc xe này làm phương tiện phạm tội những người này không biết. **Công an huyện B** đã trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển số 85R7-1044 cho bà **Nguyễn Thị M1**.

+ Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh, đã qua sử dụng của chị **Cao Thị Ái N**. Chiếc điện thoại này không liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị **N**.

Chị **N** cùng với **T1** thực hiện hành vi “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” của bà **B1**. Tuy nhiên, xét về nhân thân và giá trị tài sản chiếm đoạt, Cơ quan điều tra không xử lý hình sự mà xử lý hành chính đối với chị **N** là phù hợp.

Anh **Mai Văn L** là người quản lý, sử dụng chiếc xe mô tô biển số 85R7-1044. Ngày 21/11/2023, anh **L** không biết chị **N** (vợ anh **L**) sử dụng xe làm phương tiện giúp **T1** phạm tội; Anh **Nguyễn Ngọc P** (nhân viên **tiệm V**) khi mua 02 chiếc bông tai không biết tài sản do **T1** phạm tội mà có. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý anh **L**, anh **P**.

Những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến tranh luận gì đối với Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Ái.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện B**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Ái, Kiểm sát viên; Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm; Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vì muốn có tiền tiêu xài nên sáng ngày 21/11/2023 **Nguyễn Ngọc D T1** rủ **Cao Thị Ái N** cùng nhau đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì **N** đồng ý. **N** sử dụng chiếc xe mô tô biển số 85R7-1044 chở **T1** từ

phường Đ, thành phố P - T đi đến đoạn đường thuộc xã P, huyện B. Tại đây khoảng 13 giờ cùng ngày, bằng thủ đoạn gian dối T1 và N đã lừa bà B1 làm cho bà B1 tin tưởng T1 và N đang đi phát quà từ thiện, T1 nói với bà B1 “tháo đôi bông tai bằng vàng ra, để khi có người đến từ thiện người ta thấy nghèo người ta mới cho”. Tin lời T1, bà B1 đã tháo đôi bông tai màu vàng đang đeo trên hai tai đưa cho T1 và bà B1 lấy tờ tiền 5.000 đồng trong túi đưa cho T1 để gói đôi bông tai lại. Lúc này, T1 giấu đôi bông tai trong lòng bàn tay nhưng vẫn làm động tác đang gói đôi bông tai vào tờ tiền 5.000 đồng để bà B1 tin tưởng là vàng đang ở trong tờ tiền, rồi cất vào trong túi áo của bà B1. T1 thực hiện xong hành vi chiếm đoạt tài sản, N dùng xe mô tô 85R7-1044 chở T1 về lại thành phố P - T, đến tiệm V Cho II bán đôi bông tai bằng vàng trên được 1.090.000 đồng và chia nhau tiêu xài hết.

Tại Kết luận giám định số 1553/KL-KTHS ngày 13/12/2023 của Phòng K Công an tỉnh L và Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 15/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B đã kết luận: Tổng trị giá 02 (hai) chiếc bông tai bằng kim loại màu vàng là 1.221.483 đồng.

Năm 2022, bị cáo T1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 15 tháng tù, chưa được xóa án tích thì ngày 21/11/2023 bị cáo T1 lại bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt đôi bông tai bằng kim loại màu vàng của bà B1 trị giá 1.221.483 đồng, do vậy Cáo trạng số 05/CT-VKSBA ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bác Ái truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Diễm T1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội: Trong vụ án này, Nguyễn Ngọc D T1 là người khởi xướng và cũng là người thực hành tích cực vào việc phạm tội. Bị cáo T1 có nhân thân xấu, biết việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật phải bị xử lý nhưng bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo coi thường pháp luật. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của mình và phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện học tập cải tạo thành người tốt sau này theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bác Ái là có căn cứ.

Cao Thị Ái N nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn tham gia cùng với Nguyễn Ngọc Diễm T1 lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Tain Thị B1 đem bán lấy tiền chia nhau. Cơ quan điều tra Công an huyện B xét về nhân thân của Cao Thị Ái N, giá trị tài sản mà N và T1 chiếm đoạt của bà B1 đã không xử lý hình sự mà ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Cao Thị Ái N là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bác Ái đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình là phù hợp.



[5] Anh **Mai Văn L** là người quản lý, sử dụng chiếc xe mô tô biển số 85R7-1044. Ngày 21/11/2023, anh **L** không biết chị **N** (vợ anh **L**) sử dụng chiếc xe này làm phương tiện giúp **T1** phạm tội; Anh **Nguyễn Ngọc P** (nhân viên **tiệm V**) khi mua 02 chiếc bông tai không biết tài sản do **T1** phạm tội mà có. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý anh **L**, anh **P** là có cơ sở.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bà **Tain Thị B1** đã nhận lại đôi bông tai bị mất, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Số tiền 1.090.000 đồng của cá nhân chị **Nguyễn Thị Băng T2** dùng để mua đôi bông tai do bị cáo **T1** bán tại **tiệm V**, nay chị **T2** yêu cầu bị cáo **T1** phải trả lại số tiền 1.090.000 đồng cho chị **T2** và bị cáo đã đồng ý. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các điều 166, 579, 580 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo **T1** phải trả lại cho chị **T2** số tiền 1.090.000 đồng là có căn cứ.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra **Công an huyện B** đã tạm giữ:

+ 02 (Hai) chiếc bông tai bằng kim loại màu vàng, đã qua sử dụng là tài sản của bà **Tain Thị B1**. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà **B1** đúng quy định.

+ 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển số 85R7-1044 được **T1** và **N** dùng làm phương tiện phạm tội. Chiếc xe này của bà **Nguyễn Thị M1** đứng tên chủ xe, năm 2005 bà **M1** tặng chiếc xe cho cháu là **Lê Văn T3**. Năm 2022, anh **T3** cho anh **Mai Văn L** mượn chiếc xe để sử dụng. Chị **N** (vợ của anh **L**) sử dụng chiếc xe này làm phương tiện phạm tội những người này không biết. **Công an huyện B** đã trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển số 85R7-1044 cho bà **M1** nên không đề cập tới.

+ Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh, đã qua sử dụng của chị **N**. Chiếc điện thoại này không liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị **N** nên không xét đến.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 174; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Ngọc Diễm T1** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Ngọc Diễm T1** 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam 17/01/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 166, 579, 580 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo **Nguyễn Ngọc D T1** phải trả lại cho chị **Nguyễn Thị Băng T2** số tiền 1.090.000 (một triệu không trăm chín mươi nghìn) đồng.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.*

**4. Về án phí:** Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo **Nguyễn Ngọc Diễm T1** phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Quyền kháng cáo:** Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Bác Ái;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- CQĐT Công an huyện Bác Ái;
- Nhà tạm giữ - Công an huyện Ninh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bác Ái;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Phạm Thị Kim Đồng**